

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 2**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân;*

*Sau khi xem xét báo cáo số 10/BC-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua 15 nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (kỳ họp thứ 1 và kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thỏa thuận, thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh (*Có phụ lục 15 nội dung kèm theo*).

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2016./.

**CHỦ TỊCH**

**Đã ký**

**Nguyễn Thanh Tùng**

## **BẢNG TỔNG HỢP**

**15 nội dung giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp (kỳ họp thứ 1 và kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII) đã được Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thỏa thuận thống nhất với UBND tỉnh (Kèm theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ 2)**

1. Chủ trương mua mới một số xe chuyên dùng để phục vụ công tác.
2. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B Dự án: Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước.
3. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B Dự án: Đê kè chống xói lở bờ biển Tam Quan (giai đoạn 2) Xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn.
4. Danh mục các dự án được bố trí vốn năm 2015 xin được chuyển sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện.
5. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Xử lý cấp bách Nâng cấp hệ thống Đê Đông (đoạn từ cống Đập Mới đến cống Nhơn Hội), sửa chữa tràn Dương Thiện và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu các xã vùng đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định.
6. Chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp chế biến hải sản tập trung xã Cát Khánh, huyện Phù Cát.
7. Chủ trương đầu tư Công trình: Đường ĐT629 (đoạn qua địa phận huyện An Lão), lý trình: Km19+00 -:- Km31+00, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.
8. Chủ trương đầu tư Công trình: Xây dựng đập ngăn mặn sông Lại Giang, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
9. Chủ trương đầu tư Công trình: Trạm thực nghiệm nuôi trồng thủy sản nước lợ, mặn Cát Thành.
10. Phương án vay vốn và trả nợ vốn vay của dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (vay vốn WB).
11. Chủ trương mua xe chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, xây dựng công trình phòng thủ.
12. Điều chỉnh lại quy mô và nguồn vốn đối với dự án Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn.
13. Phê duyệt Chủ trương đầu tư Dự án Khu khám phá khoa học và trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học.
14. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 629 đi trung tâm xã Ân Sơn, huyện Hoài Ân.
15. Chủ trương để lại khoản thu tiền sử dụng đất của Dự án phát triển nhà ở khu dân cư Vĩnh Liêm tại phường Bình Định, thị xã An Nhơn cho ngân sách thị xã để có nguồn vốn đầu tư chỉnh trang đô thị./.

(Nội dung cụ thể có phụ lục chung kèm theo)

## PHỤ LỤC CHUNG

*(Kèm theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp thứ 2, khóa XII)*

### **1. Chủ trương mua mới một số xe chuyên dùng để phục vụ công tác.**

Căn cứ Kết luận số 14A-KL/TU ngày 08/01/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về việc thống nhất chủ trương thực hiện kế hoạch mua sắm xe ô tô công năm 2016. Trong đó, cho phép mua sắm một số xe ô tô chuyên dùng như sau:

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh: 01 xe ô tô chuyên dùng, mức giá tối đa (chưa tính lệ phí trước bạ) không vượt quá 1.200 triệu đồng. Loại xe phù hợp do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh đề xuất.

- Ban Dân tộc: 01 xe ô tô chuyên dùng, mức giá tối đa (chưa tính lệ phí trước bạ) không vượt quá 1.092 triệu đồng.

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: 01 xe ô tô chuyên dùng, kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ (không có lệ phí trước bạ) 1.040 triệu đồng. Phần còn thiếu so với mức giá quy định, đơn vị sử dụng nguồn Quỹ Phát triển hoạt động sự nghiệp để thực hiện.

- Trung tâm Y tế dự phòng: 01 xe ô tô chuyên dùng, kinh phí ngân sách tỉnh hỗ trợ (không có lệ phí trước bạ) 230 triệu đồng.

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách tỉnh đã bố trí để chi mua xe ô tô trong dự toán ngân sách năm 2016 (được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ 12 thông qua tại Nghị quyết số 18/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015).

Ngoài ra, Sở Tài chính có Văn bản số 791/STC-GCS ngày 15/3/2016 đề nghị mua xe ô tô phục vụ yêu cầu công tác thanh tra từ nguồn thu hồi qua hoạt động thanh tra được trích để lại cho Thanh tra tỉnh theo quy định tại Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 18/02/2016 của UBND tỉnh, cụ thể:

- Loại xe, mục đích sử dụng: xe ô tô chuyên dùng 07 chỗ ngồi (2 cầu, có gắn lôgô của Thanh tra tỉnh và các thiết bị phụ trợ theo quy định) để phục vụ nhiệm vụ đặc thù thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng.

- Mức giá tối đa: không vượt quá 1.092 triệu đồng.

- Lý do đề nghị: trang bị để thay thế xe ô tô 15 chỗ ngồi, hiệu Mazda, sản xuất năm 1996, biển kiểm soát: 77B-0205, đã hư hỏng và sắp hết niên hạn sử dụng.

Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

+ Thống nhất chủ trương cho mua 05 xe chuyên dùng để các đơn vị phục vụ công tác.

+ Về tiêu chuẩn, định mức trang bị xe chuyên dùng: Tiếp tục áp dụng theo Quyết định số 3280/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh.

+ Về giá mua sắm xe ô tô chuyên dùng: Giá mua xe tối đa (*Có Phụ lục 01 kèm theo*)

**2. Chủ trương đầu tư dự án nhóm B Dự án: Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước.**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 1853/BKHĐT-KTNN ngày 18/3/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho dự án Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư đối với Dự án: Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước. Cụ thể như sau:

**a. Tên dự án:** Đê và đập dâng đập ngăn mặn Nha Phu.

**b. Địa điểm xây dựng:** Xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**c. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước.

**d. Về Quy mô đầu tư:**

Bao gồm các hạng mục công trình: Xây dựng mới Đập dâng, đê - kè, kênh tưới - tiêu, đường thi công kết hợp quản lý và nhà quản lý công trình.

**đ. Dự kiến tổng mức đầu tư : 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)**

**e. Về vốn và nguồn vốn :**

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2016-2020 theo Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư là **40 tỷ đồng**.

- Phần vốn còn lại cân đối từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

**g. Thời gian thực hiện:** Năm 2017-2020.

**h. Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:** Vốn ngân sách huyện Tuy Phước bố trí.

**3. Chủ trương đầu tư dự án nhóm B Dự án: Đê kè chống xói lở bờ biển Tam Quan (giai đoạn 2) Xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn.**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 9612/BKHĐT-KTNN ngày 30/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng vốn ngân sách Trung ương cho Dự án Đề kè chống xói lở bờ biển Tam Quan (giai đoạn 2), tỉnh Bình Định.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư đối với Dự án: Đề kè chống xói lở bờ biển Tam Quan (giai đoạn 2) xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn, cụ thể như sau:

**a. Tên dự án:** Đề kè chống xói lở bờ biển Tam Quan (giai đoạn 2).

**b. Địa điểm xây dựng:** Xã Tam Quan Nam, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

**c. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn.

**d. Về Quy mô đầu tư:**

Quy mô xây dựng công trình: Xây dựng tuyến đê có chiều dài khoản 2,30Km và xây dựng các công trình trên đê.

Các thông số kỹ thuật chủ yếu:

- Cao độ đỉnh tường chắn sóng : + 4.50m;
- Cao độ mặt đê : + 4.10m;
- Bề rộng mặt đê (kết hợp giao thông) : B = 13m;
- Hệ số mái đê phía biển : m = 3.

**đ. Dự kiến tổng mức đầu tư: 82.000.000.000 đồng (Tám mươi hai tỷ đồng).**

**e. Về vốn và nguồn vốn:**

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu giai đoạn 2016-2020 theo Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư là 70 tỷ đồng,

- Vốn ngân sách tỉnh bố trí 70%,
- Vốn ngân sách huyện 30%.

**g. Thời gian thực hiện:** Năm 2016-2020.

**h. Chí phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:** Vốn ngân sách huyện Hoài Nhơn bố trí.

**4. Danh mục các dự án được bố trí vốn năm 2015 xin được chuyển sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện.**

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về Kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Công văn số 18761/BTC-ĐT ngày 17/12/2015 của Bộ Tài chính về việc thời hạn thực hiện và thanh toán vốn đầu tư kế hoạch năm 2015;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển kế hoạch vốn năm 2015 sang năm 2016 để tiếp tục thực hiện, cụ thể như sau:

Tổng nguồn vốn các dự án chưa thực hiện hết trong năm 2015 được chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện năm 2016 đợt này là 3.645.289 nghìn đồng, trong đó:

-Vốn Đầu tư tập trung: Chuyển nguồn 43.224 nghìn đồng.

-Vốn Cấp quyền sử dụng đất: Chuyển nguồn 3.407.789 nghìn đồng.

- Vốn Xổ số kiến thiết: Chuyển nguồn 15.056 nghìn đồng.

- Vốn Tạm ứng tồn ngân KBNN: Chuyển nguồn 179.220 nghìn đồng.

**5. Chủ trương đầu tư Dự án: Xử lý cấp bách Nâng cấp hệ thống Đê Đông (đoạn từ cống Đập Mới đến cống Nhơn Hội), sửa chữa tràn Dương Thiện và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu các xã vùng đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định.**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư đối với Dự án Xử lý cấp bách Nâng cấp hệ thống Đê Đông (đoạn từ cống Đập Mới đến cống Nhơn Hội), sửa chữa tràn Dương Thiện và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu các xã vùng đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

**a. Tên dự án:** Xử lý cấp bách Nâng cấp hệ thống Đê Đông (đoạn từ cống Đập Mới đến cống Nhon Hội), sửa chữa tràn Dương Thiện và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu các xã vùng đầm Thị Nại, tỉnh Bình Định.

**b. Địa điểm xây dựng:** Xã Phước Hòa và Phước Thắng, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

**c. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**d. Về Quy mô đầu tư:** Nâng cấp đê và công trình trên đê đoạn từ cống Đập Mới đến cống Nhon Hội dài 5km và sửa chữa tràn Dương Thiện để ngăn mặn, chống triều cường khi mực nước biển dâng bảo vệ đời sống 45.168 người dân và giữ ngọt cho 500 ha đất canh tác thuộc xã Cát Tiến, Cát Chánh, huyện Phù Cát, Phước Sơn, Phước Thắng, Phước Hòa, huyện Tuy Phước và xã Nhon Hội, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

- Nâng cấp tuyến đê dài 5km (từ cống Đập Mới đến cống Nhon Hội), kết cấu thân đê đắp đất, đầm chặt  $K = 0.95$ , mái đê phía sông gia cố bằng tấm BT  $45 \times 45 \times 10$  cm + dăm lót dày 10 cm + 1 lớp vải địa kỹ thuật trong khung BTCT, mặt đê đổ bê tông M250 dày 20 cm, rộng 5,0 m; xây dựng mới 02 cống và sửa chữa 05 cống tiêu úng, tháo lũ qua đê với tổng số 32 cửa x 2 m; sửa chữa tràn Hà Dơi thoát lũ dài 84m;

- Sửa chữa tràn Dương Thiện dài 360m, hình thức kết cấu dạng cầu tràn, xử lý nền móng bằng hệ cọc bê tông cốt thép;

- Trồng và chăm sóc 15 ha rừng ngập mặn thuộc các xã Cát Tiến, Cát Chánh, huyện Phù Cát, Phước Sơn, Phước Thắng, Phước Hòa, huyện Tuy Phước.

**đ. Dự kiến tổng mức đầu tư: 306.328.000.000 đồng (Ba trăm lẻ sáu tỷ, ba trăm hai tám triệu đồng).**

**e. Về vốn và nguồn vốn:** Từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu Ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020.

**g. Thời gian thực hiện:** Năm 2016-2020.

**h. Cấp quyết định đầu tư:** Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

**i. Hình thức quản lý dự án:** Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

**6. Chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp chế biến hải sản tập trung xã Cát Khánh, huyện Phù Cát.**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp chế biến hải sản tập trung xã Cát Khánh, huyện Phù Cát. Cụ thể như sau:

**a. Về quy mô đầu tư:**

Đầu tư xây dựng các hạng mục gồm: San nền, Giao thông, Cấp điện, Cấp nước và PCCC, Thoát nước mưa, Thoát nước thải, Cây xanh.

**b. Địa điểm xây dựng:** Xã Cát Khánh, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

**c. Phạm vi đầu tư:**

- + Phía Bắc giáp : Thôn Ngãi An, xã Cát Khánh;
- + Phía Nam giáp : Khu dân cư trung tâm xã Cát Khánh;
- + Phía Đông giáp : Tỉnh lộ ĐT639;
- + Phía Tây giáp : Núi.

Tổng diện tích dự án khoảng 41ha.

**d. Tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:** Năm 2015 - 2020.

- Năm 2015: Chuẩn bị đầu tư và giải phóng mặt bằng.
- Năm 2016: Bắt đầu triển khai xây dựng.

**đ. Tổng mức đầu tư: 80.069.595.000 đồng.**

**e. Về nguồn vốn:**

- Vốn ngân sách Trung ương.
- Vốn ngân sách huyện Phù Cát.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020.

**g. Về cân đối vốn:** Theo kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020.

**h. Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:** Ngân sách huyện Phù Cát và chủ đầu tư đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp bố trí kinh phí vận hành công trình.

**i. Phương thức thực hiện:** Theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

**7. Chủ trương đầu tư Công trình: Đường ĐT629 (đoạn qua địa phận huyện An Lão), lý trình: Km19+00 -:- Km31+00, huyện An Lão, tỉnh Bình Định.**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Công trình: Đường ĐT629 (đoạn qua địa phận huyện An Lão), lý trình: Km19+00 -:- Km31+00, huyện An Lão, tỉnh Bình Định. Cụ thể như sau:

**a. Về quy mô đầu tư:**

- Công trình xây dựng với quy mô đường cấp IV đồng bằng (TCVN4054-2005), đoạn qua thị trấn xây dựng đường phố chính đô thị, miền núi (TCXDVN 104-2007).

- Chiều dài đoạn tuyến:  $L = 12,0$  km.

- Tiêu chuẩn thiết kế cầu 22TCN 272-05;

- Tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn  $P = 100$ (KN), đường kính vệt bánh xe  $D = 33$ (cm).

- Mô đun đàn hồi yêu cầu:  $E_{yc} \geq 130$  (Mpa).

- Tần suất tính toán thủy văn  $P = 4\%$  với cầu nhỏ, cống, rãnh biên và đường;  $1\%$  đối với cầu lớn và trung.

**b. Địa điểm xây dựng:** huyện An Lão, tỉnh Bình Định.

**c. Phạm vi đầu tư:**

+Điểm đầu dự án: tại Km19+00 của ĐT.629 (ranh giới giữa 2 huyện Hoài Ân và huyện An Lão).

+ Điểm cuối dự án: tại km31+00 của ĐT.629 (đèo Cảnh – trung tâm huyện).

+ Chiều dài tuyến:  $L = 12$  Km.

**d. Tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:** Năm 2016 - 2020.

**đ. Tổng mức đầu tư: 160.000.000.000 đồng**

**e. Về nguồn vốn:**

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội các vùng.

- Vốn ngân sách tỉnh.

- Vốn từ Chương trình 30a/2008/NQ-CP do huyện An Lão quản lý.

**g. Về cân đối vốn:** Theo kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020.

**8. Chủ trương đầu tư Công trình: Xây dựng đập ngăn mặn sông Lại Giang, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Công trình: Xây dựng đập ngăn mặn sông Lại Giang, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định. Cụ thể như sau:

**a. Về quy mô đầu tư:**

- Xây dựng đập ngăn mặn sông Lại Giang, huyện Hoài Nhơn.
- Hệ thống kênh tưới và 8 trạm bơm điện.
- Hệ thống kè hai bên bờ sông và không gian xanh.

**b. Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

**c. Phạm vi đầu tư:**

- + Chiều dài đập  $L = 141\text{m}$ .
- + Cải tạo và xây dựng mới 25Km kênh.
- + Sửa chữa 08 trạm bơm.
- + Xây dựng kè kiên cố hai bên bờ sông 03km và khu không gian xanh.

**d. Tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:** Năm 2016 - 2020.

**đ. Tổng mức đầu tư: 340.000.000.000 đồng**

**e. Về nguồn vốn:**

- Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu Ứng phó biến đổi khí hậu.

- Vốn ngân sách tỉnh.
- Vốn ngân sách huyện Hoài Nhơn.

**g. Về cân đối vốn:** Theo kế hoạch bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020.

**h. Chi phí vận hành khi hoàn thành dự án:** Ngân sách huyện Hoài Nhơn bố trí.

**9. Chủ trương đầu tư Công trình: Trung tâm giống thủy sản.**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Chỉ thị 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Văn bản số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 – 2020;

Căn cứ Văn bản số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Công trình: Trung tâm giống thủy sản. Cụ thể như sau:

**a. Về quy mô đầu tư:**

Đầu tư đồng bộ hạ tầng và trang thiết bị, đáp ứng cho dây chuyền sản xuất đảm bảo an toàn sinh học trên diện tích đất 10ha gồm:

- Khu nghiên cứu ứng dụng và thực nghiệm sinh sản nhân tạo (Khu A).
- Khu nuôi dưỡng gồm các ao nuôi giống gốc, nuôi giống bố mẹ, giống hậu bị, ương giống cấp 2 cho các đối tượng phục vụ nghiên cứu ứng dụng và thực nghiệm (Khu B).
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

**b. Địa điểm đầu tư:** Xã Cát Thành, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

**c. Phạm vi đầu tư:** Diện tích sử dụng đất: 10ha.

**d. Dự kiến tổng mức đầu tư : 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng)**

**đ. Về nguồn vốn đầu tư:**

Vốn ngân sách trung ương hỗ trợ theo Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế thủy sản bền cho tỉnh Bình Định trong kế hoạch trung hạn 2016-2020.

**e. Thời gian thực hiện đầu tư:**

- Năm 2016: Hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư;
- Từ năm 2017: Thi công xây dựng công trình.

**g. Tổ chức thực hiện:**

- Quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.
- Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định.
- Phương thức thực hiện: Theo quy định hiện hành của nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

**10. Phương án vay vốn và trả nợ vốn vay của dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (vay vốn WB).**

Căn cứ quyết định số 1858/QĐ-TTg ngày 02/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập;

Căn cứ Văn bản số 18955/BTC-QLN ngày 21/12/2015 của Bộ Tài chính về việc thông báo tỷ lệ cho vay lại của các tỉnh tham gia Dự án “Sửa chữa và nâng cao an toàn đập” (vay vốn WB);

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

**a. Danh mục hiện trạng hồ chứa tham gia dự án: 16 hồ chứa.**

**b. Tổng mức vốn đầu tư của dự án:** 13,205 triệu USD (tương đương 297,144 tỷ đồng), trong đó:

- Vốn vay ODA của Trung ương (hỗ trợ không hoàn lại cho tỉnh): 8,992 triệu USD (11,99 triệu USD x 75%) (tương đương 204,374 tỷ đồng);

- Vốn vay ODA của Ngân sách tỉnh và huyện: 2,998 triệu USD (11,99 triệu USD x 25%) (tương đương 65,626 tỷ đồng).

- Lãi suất vay 2% và phí cam kết 0,5%/năm, Ngân sách tỉnh và huyện phải trả là: 0,555 triệu USD, (tương đương 12,144 tỷ đồng).

- Vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh và huyện tham gia dự án là 0,66 triệu USD (tương đương 15 tỷ đồng).;

**c. Phương án trả nợ gốc, lãi suất vay 2% và phí cam kết 0,5%/năm của Ngân sách tỉnh và huyện.**

- Bình Định thuộc đối tượng loại 3 (Ngân sách Trung ương điều tiết < 45%), do vậy Bộ Tài chính quy định tỉnh vay lại vốn ODA của Bộ Tài chính theo tỷ lệ là 25% trên tổng vốn ODA của dự án thực hiện tại tỉnh (11,99 triệu USD x 25% - tương đương 65,626 tỷ đồng);

- Thời hạn vay là 25 năm, tuy nhiên WB quy định thời gian trả gốc và trả lãi là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn (chỉ trả lãi vay, không trả nợ gốc);

- Thời gian hoạt động của dự án là 05 năm (2017 – 2021); mỗi năm rút vốn (gốc) vay là 599.600 USD; tổng số vốn vay rút trong 05 năm thực hiện dự án là 2,998 triệu USD (tương đương 65, 626 tỷ đồng);

- Thời gian bắt đầu trả lãi suất vay 2 %, kể cả 05 năm ân hạn là 15 năm (từ năm 2017 đến năm 2021): tổng số tiền lãi vay là 516.739 USD (tương đương 11,311 tỷ đồng), bình quân mỗi năm trả 34.449 USD/năm, tương đương 754 triệu đồng/năm;

- Thời gian bắt đầu trả phí cam kết 0,5%/năm là 05 năm (từ năm 2017 đến năm 2021): tổng số tiền phí phải trả là 38.059 USD (tương đương 833,112 triệu đồng), bình quân mỗi năm trả 7.612 USD/năm, tương đương 167 triệu đồng/năm;

- Thời gian trả nợ gốc vay là 10 năm, sau 05 năm ân hạn (bắt đầu từ năm 2022 đến năm 2031). Tổng số tiền gốc vay là 2.998.000 USD (tương đương 65.626,2 triệu đồng). Bình quân trả nợ gốc vay 299.800 USD/năm, tương đương 6.562,6 triệu đồng/năm);

Các địa phương thống nhất tỷ lệ đối ứng như sau: các huyện Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn là 20%; các huyện Tây Sơn, Hoài Ân là 10% và huyện An Lão là 0%.

### **11. Chủ trương cho Bộ Chỉ huy quân Quân sự tỉnh mua 02 xe ô tô.**

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh mua 02 xe vận tải loại 02 cầu như sau:

#### **a. Đối với xe phục vụ công trình phòng thủ (Đường hầm Sh02-BD13)**

- Chung loại: Xe ô tô tải THACO FORLAND FD8500A-4WD; với mức giá tối đa (chưa tính lệ phí trước bạ) không vượt quá số tiền 582.000.000 đồng

(Theo Chứng thư thẩm định giá số 283/2016/CT-CIVS-BĐ ngày 31/5/2016 của Chi nhánh Công ty cổ phần Thông tin và thẩm định giá Miền Trung tại Bình Định).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn vốn đã bố trí cho Dự án Đường hầm Sh02-BĐ13 trong năm 2016 (theo Quyết định số 4694/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh).

**b. Đối với xe phục vụ nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống lụt bão-tìm kiếm cứu nạn và phòng chống cháy rừng:**

- Chung loại: Xe ô tô tải ISUZU NQR75L; với mức giá tối đa (chưa tính lệ phí trước bạ) không vượt quá số tiền 780.000.000 đồng (Theo Chứng thư thẩm định giá số 283/2016/CT-CIVS-BĐ ngày 31/5/2016 của Chi nhánh Công ty cổ phần Thông tin và thẩm định giá Miền Trung tại Bình Định).

- Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi sự nghiệp quốc phòng chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2016.

**12. Điều chỉnh lại quy mô và nguồn vốn đối với dự án Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn.**

Ngày 19/10/2015, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã có Công văn số 120/HĐND thỏa thuận với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án: Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (giai đoạn 2) với dự kiến tổng mức đầu tư **258.844,642 triệu đồng** (hai trăm năm mươi tám tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm bốn mươi hai nghìn đồng) từ các nguồn: Trái phiếu Chính phủ: 100 tỷ đồng, vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu 60 tỷ đồng, nguồn xã hội hóa 98.845 triệu đồng.

Ngày 22/4/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có Công văn số 2993/BKHĐT-LĐVX về việc thông báo ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đề nghị thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn giai đoạn 2.

Để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và nguồn vốn đầu tư, do vậy cần phải thay đổi quy mô lẫn nguồn vốn và phần vốn cho dự án để làm cơ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2016 – 2020. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất lại với Ủy ban nhân dân tỉnh về quy mô và nguồn vốn đối với dự án Mở rộng Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn được điều chỉnh cụ thể như sau:

**a. Về Quy mô đầu tư:**

Đầu tư xây dựng và cải tạo Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn trên phần đất với diện tích 25.587,8m<sup>2</sup>, trong đó: Diện tích khu bệnh viện hiện có là 16.508,6m<sup>2</sup>, diện tích khu đất mở rộng là 9.079,2m<sup>2</sup>.

**\* Phần xây dựng mới:**

- Xây dựng mới khối Nhà khám - kỹ thuật nghiệp vụ: Bố trí làm khu làm việc cho Khoa khám; Khối kỹ thuật nghiệp vụ cận lâm sàng gồm khoa xét nghiệm, khoa thăm dò chức năng, khoa chẩn đoán hình ảnh.

- Các hạng mục phụ trợ: Nhà trực, Nhà để xe khách, Hành lang cầu, Nhà rác, Cổng tường rào, Sân vườn; hệ thống cấp điện ngoài nhà gồm: Trạm biến áp 630KVA và đường dây 22/0,4kV, hệ thống chiếu sáng sân vườn...; hệ thống cấp thoát nước, bể nước sinh hoạt 100m<sup>3</sup>, bể nước cứu hỏa, nhà đặt máy...

\* Phân thiết bị: Đầu tư xây dựng mới các trang thiết bị y tế chuyên ngành và thiết bị văn phòng nhằm hiện đại hóa các trang thiết bị khám điều trị của bệnh viện.

**b. Dự kiến tổng mức đầu tư :** 67.500.000.000 đồng (*Sáu mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*).

**c. Nguồn vốn đầu tư:** Vốn Ngân sách nhà nước, trong đó:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ: Vốn Chương trình mục tiêu Đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương thuộc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 là 54 tỷ đồng, chiếm 80% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm 10% chi phí dự phòng).

- Ngân sách địa phương: Vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác với tổng số tiền là: 13,5 tỷ đồng, chiếm 20% tổng mức đầu tư.

### ***13. Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Khu khám phá khoa học và trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học.***

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Văn bản số 6768/VPCP-KGVX ngày 26/8/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc xin chủ trương và hỗ trợ kinh phí đầu tư các hạng mục bổ sung thuộc dự án Tổ hợp không gian khoa học tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 9556/VPCP-KGVX ngày 17/11/2015 của Văn phòng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư Dự án Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học tại tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 16093/BTC-ĐT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài chính về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án Khu khám phá khoa học và trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 10036/BKHĐT-KTĐPLT ngày 13/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn đầu tư dự án Tổ hợp không gian khoa học tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 938/BKHĐT-KTĐPLT ngày 05/02/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo danh mục dự án quan trọng, cấp bách sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Văn bản số 5079/BKHĐT-KTĐPLT ngày 30/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thay đổi tên dự án Tổ hợp Không gian khoa học bao gồm Nhà vô hình vũ trụ, Đài quan sát thiên văn phổ thông và Bảo tàng khoa học (giai đoạn 1+2);

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư đối với Dự án: Khu khám phá khoa học và trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học, với các nội dung chủ yếu như sau:

a. Tên dự án: Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học.

b. Dự án nhóm: Dự án nhóm B

c. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

d. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ. Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ.

e. Địa điểm thực hiện dự án: Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

g. Quy mô đầu tư:

\* Phần thiết bị:

- Thiết bị Trạm quan sát thiên văn phổ thông: Mái vòm vũ trụ di động; kính thiên văn, máy tính, máy ảnh thiên văn, ...

- Thiết bị khoa học của Khu khám phá khoa học:

+ Vật chất và năng lượng; du ngoạn cùng Toán học; sự sống và các sinh vật; ứng dụng công nghệ khoa học; góc thiếu nhi “em khám phá khoa học”.

+ Thiết bị báo cháy; thiết bị dập lửa tự động; hệ thống camera bảo vệ và điều khiển máy tính; thiết bị hút ẩm.

- Thiết bị của kho chứa mô hình (tầng hầm): Thiết bị báo cháy; thiết bị dập lửa tự động; thiết bị hút ẩm; thiết bị Phòng bảo trì máy móc và xưởng thiết kế sáng tạo...

\* Phần xây dựng:

- Trang trí nội thất Nhà khám phá vũ trụ;

- Xây dựng Trạm quan sát thiên văn phổ thông;

- Xây dựng Phòng bảo trì máy móc và xưởng thiết kế;

- **Xây dựng tường rào, cổng ngõ bao quanh.**

h. Dự kiến, tổng mức đầu tư dự án: **115.611.000.000 đồng** (Một trăm mười lăm tỷ, sáu trăm mười một triệu đồng).

i. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương trong kế hoạch trung hạn 05 năm 2016 - 2020.

k. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn đề nghị thẩm định: Khoa học và công nghệ.

l. Thời gian thực hiện đầu tư: Năm 2016 - 2018.

m. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư xây dựng mới

**14. phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 629 đi trung tâm xã Ân Sơn, huyện Hoài Ân.**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 1100/BKHĐT-TH ngày 27/02/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn bổ sung lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Báo cáo số 4880/BC-BKHĐT ngày 23/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 629 đi trung tâm xã Ân Sơn;

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư đối với Dự án nhóm B Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 629 đi trung tâm xã Ân Sơn, huyện Hoài Ân. Cụ thể như sau:

a. Dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT 629 đi trung tâm xã Ân Sơn.

b. Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

c. Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài Ân.

d. Địa điểm xây dựng: Huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

đ. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định: Nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án thực hiện theo Điều 36 của Luật Đầu tư công năm 2014.

e. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

Đầu tư xây dựng công trình phù hợp với quy hoạch của huyện Hoài Ân và tỉnh Bình Định đến năm 2030.

Kế hoạch đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

g. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án: thuộc dự án nhóm B.

h. Phương án xây dựng: Năm 2017-2021 cho 2 giai đoạn.

i. Nội dung và Quy mô dự án:

- **Giai đoạn I:**

\* *Nền mặt đường:*

- Loại công trình: Công trình giao thông.

- Cấp công trình: Công trình cấp V vùng đồng bằng và đồi.

- Vận tốc thiết kế:  $V_{tt} = 30\text{km/h}$ .

- Tổng chiều dài tuyến thiết kế:  $L = 7.421,00m$  trong đó gồm có 3 đoạn:
  - + Đoạn 01 :  $L_1 = 5.031,00m$  Từ DT629 đến Cầu Bà Cương.
  - + Đoạn 02 :  $L_2 = 1.390,00m$  Từ Cầu Bà Cương đến đường Tây Tĩnh.
  - + Đoạn 03 :  $L_3 = 1.000,00m$  Từ đường liên xã Mộc Bài - Mỹ Thành đến đường Tây Tĩnh.

- Bề rộng nền đường:  $B_n = 6,5m$ .
- Bề rộng mặt đường:  $B_m = 5,5m$ .
- Bề rộng lề đường :  $B_l = 0,5 \times 2 = 1,0m$ .
- Độ dốc ngang mặt đường:  $i_m = 2\%$
- Độ dốc ngang lề đường :  $i_l = 4\%$
- Mái ta luy đào:  $m = 1.0$
- Mái ta luy đắp:  $m = 1.5$
- Trồng cỏ bảo vệ mái ta luy.

Kết cấu nền mặt đường:

- BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm.
- Lót lớp giấy dầu.
- Lót móng trên bằng cấp phối đá dăm dày 15cm.
- Nền đường đắp đất CPĐ đầm chặt K95 (lớp sát móng lu tăng cường đạt K98 dày 30cm).
- Lề đường đắp bằng đất CPĐ đầm chặt K95.

\* Công trình thoát nước:

- Xây dựng mới cống tròn  $2\text{Ø}100$  bằng ống cống BTLT đúc sẵn.
- Xây dựng mới cống hộp bằng BTCT, kích thước  $0,6 \times 0,6m$ .
- Xây dựng mới cống hộp bằng bê tông BTCT kích thước  $1,0 \times 1,0m$ .
- Xây dựng mới 1 cầu bản hộp  $L = 4m$ , kết cấu bằng BTCT.
- Xây dựng mới 2 cầu bản hộp  $L = 6m$ , kết cấu bằng BTCT.

\* Công trình phụ trợ:

- Bố trí cọc tiêu, biển báo hiệu đường bộ trên toàn tuyến theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

## - Giai đoạn II

\* Nền mặt đường:

- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Công trình cấp V vùng đồng bằng và đồi.
- Vận tốc thiết kế:  $V_{tt} = 30km/h$ .
- Tổng chiều dài tuyến thiết kế:  $L = 4.855,00m$  trong đó gồm có 3 đoạn:
  - + Đoạn 01 :  $L_1 = 1.000,00m$  Từ Cầu Bà Cương đến Hồ Vạn Hội.
  - + Đoạn 02 :  $L_2 = 1.654,00m$  Nối tiếp từ đường liên xã Mộc Bài - Mỹ Thành đến đường Tây Tĩnh.

+ Đoạn 03 :  $L_3 = 3.200,00m$  Từ Cầu Mỹ Thành đến khu di tích lịch sử Núi Chéo.

- Bề rộng nền đường:  $B_n = 6,5m.$
- Bề rộng mặt đường:  $B_m = 5,5m.$
- Bề rộng lề đường :  $B_l = 0,5 \times 2 = 1,0m.$
- Độ dốc ngang mặt đường:  $i_m = 2\%$
- Độ dốc ngang lề đường :  $i_l = 4\%$
- Mái ta luy đào:  $m = 1.0$
- Mái ta luy đắp:  $m = 1.5$
- Trồng cỏ bảo vệ mái ta luy.

Kết cấu nền mặt đường:

- BTXM M250 đá 2x4 dày 20cm.
- Lót lớp giấy dầu.
- Lót móng trên bằng cấp phối đá dăm dày 15cm.
- Nền đường đắp đất CPĐ đầm chặt K95 (lớp sát móng lu tăng cường đạt K98 dày 30cm).
- Lề đường đắp bằng đất CPĐ đầm chặt K95.

\* Công trình thoát nước:

- Xây dựng mới cống hộp bằng BTCT, kích thước 0,6x0,6m.
- Xây dựng mới cống hộp bằng bằng BTCT kích thước 1,0x1,0m.
- Xây dựng mới 1 cầu dầm BTCT (cầu Bà Cương)  $L = 24m.$
- Xây dựng rãnh thoát nước dọc hai bên đường, kết cấu bằng bê tông có đáy đan BTCT.
- Xây dựng gia cố mái ta luy nền đường  $L = 560,0m,$  kết cấu bằng bê tông.

\* Công trình phụ trợ:

- Bố trí cọc tiêu, biển báo hiệu đường bộ trên toàn tuyến theo Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT

k. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:

Cả dự án		Giai đoạn I	Giai đoạn II
Tổng mức đầu tư	92.235.672.000	30.861.506.000	61.374.166.000
- Chi phí xây dựng	69.754.221.000	23.156.180.000	46.598.041.000

- Chi phí QLDA	1.018.750.000	358.710.000	660.040.000
- Chi phí ĐTXD	3.932.946.000	1.479.551.000	2.453.395.000
- Chi phí khác	6.417.421.000	2.152.383.000	4.265.038.000
- Chi phí ĐB GPMB	3.000.000.000	1.000.000.000	2.000.000.000
- Dự phòng chi	8.112.334.000	2.714.682.000	5.397.652.000

l. Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và theo Báo cáo số 4880/BC-BKHĐT ngày 23/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn Dự án.

m. Phân kỳ đầu tư:

- Giai đoạn 1: Năm 2017 – 2019, thực hiện với mức vốn 30.861.506.000 đồng, bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu theo Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng là 25.000.000.000 đồng theo Báo cáo số 4880/BC-BKHĐT ngày 23/6/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ngân sách huyện Hoài Ân bố trí cho dự án là 5.861.506.000 đồng.

- Giai đoạn 2: Năm 2020 – 2021, Sau khi có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hỗ trợ tiếp tục nguồn vốn trung ương có mục tiêu cho dự án (công trình chuyển tiếp) sẽ tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2 theo cơ cấu vốn trung ương hỗ trợ theo Chương trình phát triển kinh tế xã hội các vùng là 57.000.000.000 đồng, ngân sách huyện bố trí cho dự án là 4.374.166.000 đồng.

**15. Chủ trương để lại khoản thu tiền sử dụng đất của Dự án phát triển nhà ở khu dân cư Vĩnh Liêm tại phường Bình Định, thị xã An Nhơn cho ngân sách thị xã để có nguồn vốn đầu tư chỉnh trang đô thị.**

Căn cứ Kết luận số 66-KL/TU ngày 20/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) tại Hội nghị lần thứ 12 về việc thống nhất chủ trương để lại toàn bộ số tiền sử dụng đất thu từ Dự án phát triển nhà ở khu dân cư Vĩnh Liêm tại phường Bình Định, thị xã An Nhơn cho ngân sách thị xã được hưởng 100% để phục vụ cho đầu tư chỉnh trang đô thị.

Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất với Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương để lại toàn bộ số tiền sử dụng đất thu từ Dự án phát triển nhà ở khu dân cư Vĩnh Liêm tại phường Bình Định, thị xã An Nhơn cho ngân sách thị xã được hưởng 100% nhằm phục vụ đầu tư của dự án và chỉnh trang đô thị./.

**Phụ lục 01**  
**DANH MỤC MUA XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG NĂM 2016**

STT	DANH MỤC ĐƠN VỊ	Chủng loại xe	Giá mua xe tối đa (chưa tính lệ phí trước bạ)	Kinh phí bố trí dự toán mua xe tối đa (*)
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4.346</b>
<b>A</b>	<b>Nguồn ngân sách tỉnh bố trí</b>			<b>3.254</b>
<b>I</b>	<b>Cơ quan quản lý nhà nước</b>			<b>2.264</b>
1	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	Toyota Hiace 16 chỗ, đời 2016	1.172	1.172
2	Ban Dân tộc	07 chỗ ngồi, 2 cầu	1.092	1.092
<b>II</b>	<b>Đơn vị sự nghiệp</b>			<b>990</b>
1	Trung tâm Y tế dự phòng	Thaco Woner 950	230	180
2	Đài Phát thanh và Truyền hình Bình Định	Toyota Hiace 16 chỗ, đời 2016	1.172	810
<b>B</b>	<b>Nguồn thu hồi qua hoạt động thanh tra đã trích cho đơn vị theo quy định</b>			<b>1.092</b>
1	Thanh tra tỉnh	07 chỗ ngồi, 2 cầu	1.092	1.092